TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2020
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Mạnh Tiến.

2. Ông Trần Đình Tư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Văn Hưng- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số nhà A, đường L, tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Chị Hoàng Thị P, sinh năm: 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Số nhà A, đường L, tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị P kết hôn với nhau ngày 07 tháng 3 năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh và chị P chung sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ:

Số nhà A, đường L, tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian đầu chung sống giữa anh và chị P hoà thuận, không có mâu thuẫn gì. Sau đó thì phát sinh nhiều bất đồng quan điểm, dẫn đến va chạm và mâu thuẫn với nhau, ban đầu hai người cố gắng nhẫn nhịn và vẫn tiếp tục chung sống với nhau. Đến tháng 5 năm 2017 thì chị P tự bỏ nhà đi mà không thông báo cho anh và gia đình biết là đi đâu, làm gì. Sau khi chị P bỏ nhà đi, bản thân anh và gia đình đã cố gắng tìm kiếm nhưng không thấy tin tức chị P ở đâu. Ngày 13/9/2019 anh làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố chị P mất tích theo quy định của pháp luật. Ngày 24/02/2020 Toà án nhân dân thành phố B đã chấp nhận yêu cầu của anh và tuyên bố chị Hoàng Thị P mất tích tại Quyết định số: 01/2020/QĐST-DS ngày 24/02/2020. Cho đến nay vẫn không có tin tức gì về chị P. Do vậy, anh đề nghị Toà án nhân dân thành phố B giải quyết cho anh được ly hôn với chị P để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Giữa anh và chị P có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21/6/2007, hiện cháu T đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh xin được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Toà giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù trước đó đã có Quyết định tuyên bố chị P là mất tích, nhưng sau khi thụ lý vụ án theo yêu cầu của Anh T Toà án vẫn tiến hành các thủ tục tố tụng theo thủ tục chung nhưng vẫn không có bất kỳ liên hệ gì của chị P. Do vậy, Toà án không tiến hành hoà giải được.

* Ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc T như sau: Khoảng 3 năm nay mẹ cháu là Hoàng Thị P đi đâu không về nhà, cũng không liên lạc gì với cháu. Hiện tại cháu vẫn ở với bố và tiếp tục mong muốn được sống với bồ là Nguyễn Ngọc T.

Nguyên đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm khởi kiện xin ly hôn. Chị Hoàng Thị P tiếp tục vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định về tố tụng dân sự do đã bị tuyên bố mất tích.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Xử cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn chị Hoàng Thị P.

+ Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Thái, sinh ngày 21/6/2007. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Vê tài sản chung, công nợ chung không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị P là bị đơn nhưng chị P đều vắng mặt, tại phiên toà sơ thẩm ngày 21/5/2020 bị đơn tiếp tục vắng mặt Toà án đã hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Toà án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Xét quan hệ hôn nhân thì thấy: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Hoàng Thị P kết hôn ngày 07 tháng 3 năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa Anh T và chị P là hôn nhân hợp pháp, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Sau khi kết hôn giữa Anh T và chị P sống chung vơi nhau và sinh được một con chung. Đến tháng 5 năm 2017 thì chị P tự bỏ nhà đi mà không thông báo cho Anh T và gia đình biết là đi đâu, làm gì. Anh T đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tưc gì về chị P nên anh đã làm đơn đề nghị Toà án tuyên bố chị P mất tích. Tại Quyết định số: 01/2020/QĐST-DS ngày 24/02/2020 Toà án nhân dân thành phố B đã tuyên bố chị Hoàng Thị P mất tích. Quyết định đã có hiêu lực pháp luật, đến nay vẫn không có thông tìn gì về chị P ở đâu. Do vậy, việc Anh T yêu cầu xin ly hôn với chị P là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về việc nuôi con chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Hoàng Thị P có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thái, sinh ngày 21/6/2007. Xét thấy, từ khi chị P bỏ nhà đi đến nay cháu Thái ở cùng với Anh T. Chị P đã bị Toà án tuyên bố mất

tích đến nay vẫn không có thông tin gì về chị P. Do vậy, cần giao cháu Thái cho Anh T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các đương sự. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn với chị Hoàng Thị P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21/6/2007 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Anh T đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001152 ngày 18/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận anh Nguyễn Ngọc T đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Hải